

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình dạy học các ngành đào tạo
trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 08/2007/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 08 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 510/QĐ-TDĐTN ngày 09/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc ban hành chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo các ngành đại học chính quy của trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo, QLKH & HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình dạy học các ngành trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy. Mã ngành: 7140206; 7810302; 7810301; 7729001 (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Hành chính, Tổng hợp; Trưởng các khoa Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Quản lý TDTT; Y Sinh học Thể dục thể thao và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường (b/c);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, ĐTQLKH&HTQT (C12)



PGS. TS. Nguyễn Văn Phúc

**A - BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-TDTTBN ngày 25 tháng 4 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh)*

I. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo Cử nhân ngành Huấn luyện thể thao là đào tạo sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao; có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý huấn luyện vận động viên, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao; có kỹ năng và năng lực tổ chức các hoạt động, sự kiện thể dục thể thao phục vụ cộng đồng, hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực thể dục thể thao; Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Huấn luyện thể thao có khả năng vận dụng những hiểu biết chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế và triển khai ý tưởng đáp ứng được yêu cầu việc làm trong thời đại công nghệ 4.0.

Chương trình đào tạo ngành Huấn luyện thể thao được xây dựng bao gồm khối kiến thức đại cương; Khối kiến thức ngành; Khối kiến thức chuyên ngành và một số học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập, hoạt động nhóm; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Chương trình đào tạo ngành Huấn luyện thể thao gồm 124 tín chỉ, được thiết kế nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra ngành Huấn luyện thể thao; được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên đang học tập tại Trường...).

2. Thông tin chung

Chương trình	Chương trình đào tạo đại học
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Huấn luyện thể thao
Mã ngành	7810302
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	124
Loại bằng	
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Huấn luyện thể thao

3. Mục tiêu

3.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ cử nhân ngành Huấn luyện thể thao có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, cung cấp cho người học nền tảng kiến thức, kỹ năng rộng và chắc chắn để người học sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng các nguyên lý khoa học, kỹ thuật, công nghệ và hình thành kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề thực tiễn trở thành huấn luyện viên thể thao chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển thể thao cộng đồng, thể thao thành tích cao và thể thao giải trí trong xã hội.

3.2 Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
MT1	Đào tạo cử nhân ngành HLTT có phẩm chất chính trị, đạo đức xã hội, sức khỏe đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực thể dục thể thao; có trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp; bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế.
MT2	Hiểu biết vững chắc về khoa học thể thao, y sinh học, tâm lý học thể thao và phương pháp huấn luyện hiện đại. Nắm vững nguyên tắc xây dựng giáo án, lập kế hoạch huấn luyện phù hợp với từng đối tượng. Am hiểu về dinh dưỡng, phục hồi chức năng và y học thể thao nhằm hỗ trợ vận động viên. Nhận thức về quản lý thể thao, tổ chức sự kiện thể thao và xu hướng phát triển thể thao chuyên nghiệp.
MT3	Thực hành tốt các kỹ thuật và chiến thuật trong huấn luyện thể thao. Có năng lực trong công tác tuyển chọn vận động viên, tổ chức công tác huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao. Điều hành đội nhóm, quản lý vận động viên và xây dựng chiến lược phát triển thể thao. Kết nối, truyền động lực và làm việc hiệu quả với vận động viên, đồng nghiệp, phụ huynh. Đánh giá hiệu quả huấn luyện, nghiên cứu phát triển mô hình huấn luyện mới.
MT4	Tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ quy tắc và chuẩn mực trong huấn luyện thể thao. Khả năng thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của môi trường thể thao trong nước và quốc tế. Thái độ chuyên nghiệp, kiên trì, bền bỉ và khả năng làm việc dưới áp lực cao. Định hướng phát triển bền vững, gắn huấn luyện thể thao với lợi ích cộng đồng và sức khỏe xã hội.
MT5	Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trung tâm huấn luyện thể thao, câu lạc bộ chuyên nghiệp, trường học, tổ chức thể thao cộng đồng. Góp phần nâng cao thành tích thể thao quốc gia và phát triển thể thao quần chúng. Hỗ trợ xây dựng phong trào thể thao học đường, thể thao cho mọi người, cải thiện sức khỏe cộng đồng. Đáp ứng xu hướng phát triển ngành công nghiệp thể thao, giải trí và du lịch thể thao trong nước và quốc tế.

4. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CDR	Mức theo thang Bloom
-----------------------	-----------------	----------------------

PLO1: Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị, pháp luật và các kiến thức về khoa học thể thao, y sinh học và tâm lý học thể thao vào việc phân tích, giải thích các vấn đề trong lĩnh vực huấn luyện thể thao.	1.1. Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị, pháp luật vào công tác giảng dạy - huấn luyện.	3
	1.2. Áp dụng được các kiến thức về khoa học thể thao, y sinh học và tâm lý học thể thao vào việc phân tích, giải thích các vấn đề trong lĩnh vực huấn luyện thể thao.	3
PLO2: Nắm vững phương pháp giảng dạy và huấn luyện thể thao cơ bản cho các lứa tuổi và trình độ khác nhau. Xây dựng kế hoạch, giáo án tập luyện theo mục tiêu đề ra và tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.	2.1. Sắp xếp được các vấn đề cần giải quyết về phương pháp giảng dạy và huấn luyện thể thao cơ bản cho các lứa tuổi và trình độ khác nhau.	2
	2.2. Vận hành được kế hoạch huấn luyện, giáo án tập luyện theo mục tiêu đề ra và tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.	3
PLO3: Đánh giá được kết quả một cách khoa học trong tuyển chọn, kiểm tra, có năng lực điều chỉnh tâm lý và nhịp điệu hợp lý trong quá trình tổ chức huấn luyện. Áp dụng các nguyên tắc an toàn trong tập luyện và thi đấu. Phân tích được những yếu tố ảnh hưởng đến thành tích thể thao và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.	3.1. Xác định được kết quả một cách khoa học trong tuyển chọn, kiểm tra, có năng lực điều chỉnh tâm lý và nhịp điệu hợp lý trong quá trình tổ chức huấn luyện.	4
	3.2. Vận dụng được các nguyên tắc an toàn trong tập luyện và thi đấu.	3
	3.3. Chân đoán được những yếu tố ảnh hưởng đến thành tích thể thao và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.	4
PLO4: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.	4.1. Thực hiện được các tình huống giao tiếp cơ bản yêu cầu sử dụng ngoại ngữ	2
	4.2. Viết được văn bản đơn giản bằng ngoại ngữ; Sử dụng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản trong các hoạt động chuyên môn.	3
	4.3. Thực hiện được các kỹ năng tin học cơ bản; Lựa chọn và sử dụng công nghệ thông tin để tổ chức quản lý các hoạt động TDTT.	2
PLO5: Trình diễn được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.	5.1. Thiết lập được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.	5
	5.2. Hệ thống hóa được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.	5
PLO6: Xây dựng các buổi tập luyện, thi đấu cho vận động viên, người tập luyện ở các trình độ khác nhau.	6.1. Sắp xếp được các buổi tập luyện, thi đấu cho vận động viên, người tập luyện ở các trình độ khác nhau.	5
	6.2. Thiết kế được các buổi tập luyện, thi đấu cho vận động viên, người tập luyện ở các trình độ khác nhau.	5
PLO7: Sử dụng thiết bị, công cụ hỗ trợ trong huấn luyện thể thao một cách hiệu quả. Xử lý các tình huống trong huấn luyện và thi đấu thể thao một cách linh hoạt, kịp thời.	7.1. Sắp xếp được thiết bị, công cụ hỗ trợ trong huấn luyện thể thao một cách hiệu quả.	4
	7.2. Điều chỉnh được các tình huống trong huấn luyện và thi đấu thể thao một cách linh hoạt, kịp thời.	4
	8.1. Thiết kế môi trường làm việc hợp tác bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.	5

PL08: Giao tiếp và hướng dẫn vận động viên, học viên một cách rõ ràng, dễ hiểu.	8.2. Trình diễn khả năng giao tiếp, hướng dẫn vận động viên, học viên một cách rõ ràng, dễ hiểu trong quá trình tổ chức giảng dạy, huấn luyện.	5
PL09: Chủ động lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá quá trình tập luyện cho vận động viên. Phối hợp với đồng nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực thể thao để nâng cao hiệu quả huấn luyện.	9.1.Xác nhận giá trị tính chủ động, phối hợp quá trình tổ chức đánh giá trong công tác huấn luyện.	5
	9.2.Thực hiện lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá quá trình tập luyện cho vận động viên.	5
	9.3.Đánh giá hiệu quả công tác huấn luyện .	4
PL10: Nhận thức rõ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, có khả năng cảm thụ, sáng tạo với tư duy sâu sắc, độc lập linh hoạt trong tổ chức, quản lý, giảng dạy – huấn luyện thể thao. Học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực thể thao.	10.1. Thực hiện tốt và đầy đủ các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.	5
	10.2. Biểu lộ tư duy sâu sắc, độc lập linh hoạt trong tổ chức, quản lý, giảng dạy – huấn luyện thể thao.	5
	10.3. Thôi thúc năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực thể thao.	5

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần

5.1.Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

	MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
PLO1	x	x			
PLO2		x	x		
PLO3		x	x		
PLO4				x	
PLO5			x		x
PLO6			x		x
PLO7		x	x		x
PLO8	x			x	
PLO9	x		x	x	x
PL10	x			x	

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Học Phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)									
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A	Kiến thức đại cương		31										
1	Triết học Mác - Lê nin	1ĐC305GHQY	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	1
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	1ĐC306GHQY	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1ĐC307GHQY	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1
5	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC308GHQY	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1
6	Ngoại ngữ 1	1ĐC201	6	2	0	0	2	0	0	0	0	0	1
7	Ngoại ngữ 2	1ĐC202	6	2	0	0	3	0	0	0	0	0	2
8	Tin học đại cương	1ĐC103	2	0	0	0	2	0	0	2	0	1	2
9	Tâm lý học đại cương	1TL101	2	2	1	0	0	0	0	0	0	1	1
10	Giáo dục học đại cương	1TL201	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	1
11	Thống kê toán học	1ĐC101	2	2	1	3	0	0	0	0	0	0	1
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106	2	2	1	3	0	0	0	0	0	0	1
13	Quản lý hành chính nhà nước	1QL201	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	2
14	Pháp luật đại cương	1QL101	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	2
B	Kiến thức cơ sở ngành		31										
	1. Bắt buộc		25										
15	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102HYQ	2	2	3	0	0	0	0	0	1	0	2
16	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202HYQ	2	2	3	0	0	0	0	0	1	0	0
17	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS701	2	2	2	2	0	0	0	0	0	1	2

18	Sinh lý Thể dục thể thao 1	1YS301	2	2	2	1	0	0	0	0	0	2	2
19	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS302	2	3	2	2	0	0	0	0	0	2	2
20	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 1	1LL004H	2	2	2	0	0	0	0	0	0	2	2
21	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 2	1LL005H	2	3	3	0	0	0	0	0	0	2	2
22	Quản lý thể thao thành tích cao	1QL204H	2	2	0	2	0	0	0	0	0	2	2
23	Tuyển chọn thể thao	1TC001	2	0	2	3	0	0	0	0	0	1	1
24	Y học TDTT	1YS101	3	2	0	3	0	0	0	2	0	2	1
25	Đo lường thể thao	1ĐC102	2	0	0	2	0	0	0	2	0	3	0
26	Hồi phục thể thao	1YS601HQ	2	0	2	0	0	2	1	0	1	2	2
	2. Tự chọn		6										
27	Sinh hóa TDTT	1YS401GYQ	2	2	0	2	0	0	1	0	0	0	2
28	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS201	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	1LL003H	1	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0
30	Tâm lý lứa tuổi	1TL103H	2	2	0	0	1	0	0	0	0	2	1
31	Kinh tế học TDTT	1QL301GH	2	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
32	Marketing Thể thao	1QL307GH	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1
33	Xã hội học Thể dục thể thao	1QI304GHY	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1
34	Sinh cơ Thể dục thể thao	1YS402HQ	1	0	0	0	2	0	0	0	1	0	0
35	Dinh dưỡng thể thao	1YS402YH	2	2	0	0	1	0	0	0	0	0	1
36	Lịch sử Thể dục thể thao	1LL007	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1
37	Văn hóa thể thao	1TL204	2	2	0	0	0	0	0	0	1	0	2

38	Khởi nghiệp – sáng tạo	1QL311GHYQ	1	2	0	0	0	0	0	0	0	2	2
C	Kiến thức ngành		48										
	Bắt buộc		42										
39	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành	1(BS,CLVO,BCB R,BN,CV,BB,GO, VA,QV,BĐ,ĐK,T D,BL)001- 008H	24	1	3	2	2	3	3	2	2	2	2
40	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	1ĐK007H	2	0	0	0	0	2	3	3	2	2	1
41	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thê dục	1TD007H	2	0	0	0	0	2	3	3	2	2	1
42	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội	1BL007H	2	0	0	0	0	2	3	3	2	2	1
43	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ	1ĐK009H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
44	Lý luận và phương pháp TCVD	1BN010H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
45	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ	1BR001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
46	Lý luận và phương pháp huấn luyện Võ	1VO007H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
47	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cầu lông	1CL007H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
48	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng Bàn	1BB001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
	2. Tự chọn		6					1			1		
49	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền	1BC001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
50	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá	1BĐ001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1

51	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng ném	1BN007GYQH	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
52	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cờ vua	1CV007GYQH	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
53	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bắn Súng	1BS001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
54	Lý luận và phương pháp huấn luyện Vật	1VAT001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
55	Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt	1QV001H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
56	Lý luận và phương pháp huấn luyện Đá cầu	1BD008H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
57	Lý luận và phương pháp huấn luyện Golf	1GO007H	2	0	2	1	2	1	2	1	1	1	1
D	Thực tập nghiệp vụ		8										
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	2	1	1	0	0	2	2	1	1	1
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	2	2	2	0	0	3	3	2	2	2
E	Khóa luận (học phần chuyên môn thay thế)		6										
1	Khóa luận tốt nghiệp	1LV001	6	2	2	3	2	0	0	3	3	2	2
2	Lý luận và phương pháp thể thao thành tích cao	1QL206Q	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	2
3	Y sinh học thể dục thể thao	1YS102GHY	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	2
	Tổng số tín chỉ		124										

Ghi chú: Mức độ đóng góp của HP và PLO được xác định cụ thể:

0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp ít; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao

6. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao:

6.1. Cơ hội việc làm:

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong tổ chức.
- Có khả năng đảm nhận các công việc trợ lý hay chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động TDDT tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương;
- Có khả năng tham gia huấn luyện đội tuyển TDDT, hướng dẫn viên các CLB TDDT và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực TDDT;
- Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến lập kế hoạch, giám sát hay thực thi các hoạt động về TDDT tại các doanh nghiệp của Việt Nam, các công ty, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài;

6.2. Khả năng học tập nâng cao:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành HLTT có thể tiếp tục học sau đại học tại ngành đào tạo thuộc lĩnh vực TDDT trong nước hoặc có thể tiếp tục học tập bậc cao hơn tại các cơ sở đào tạo nước ngoài.

7. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

7.1 Tiêu chí tuyển sinh

Người học các CTĐT ngành HLTT trình độ cử nhân phải đáp ứng các điều kiện:

- a) Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương phù hợp với quy định hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo quy định tuyển sinh và đề án tuyển sinh của mỗi CSĐT. Hội đồng tuyển sinh của CSĐT đề xuất, quyết định và công bố các tiêu chí, ngưỡng điểm đủ điều kiện trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển được xây dựng trong quy định, đề án tuyển sinh của CSĐT.
- c) Chương trình đào tạo cụ thể cần làm rõ các yêu cầu bổ sung (nếu có) phù hợp với định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập hiệu quả và hoàn thành tốt CTĐT.

7.2. Quy trình đào tạo:

- Thời gian đào tạo: 4 năm gồm 8 học kỳ với tổng số 2715 giờ, bao gồm thời gian thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, mỗi năm gồm 2 học kỳ.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 124 tín chỉ (TC), chưa kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

7.3. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên thi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục - Đào tạo.
- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được công nhận và cấp bằng Cử nhân Huấn luyện thể thao.
- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên.

- Về học lực: Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 1.0 (điểm D) trở lên.

- Về đẳng cấp: môn thể thao chuyên ngành đạt đẳng cấp tương đương I trở lên và tối thiểu có 02 môn thể thao không chuyên đạt đẳng cấp III.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Chương trình giảng dạy được chia thành 4 khối kiến thức: giáo dục đại cương kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp. Trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ tương ứng theo bảng sau:

TT	Thành phần	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	31	
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	25	6
3	Khối kiến thức ngành	42	6
4	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp	14	
	Tổng: 124 tín chỉ	112	12

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở ngành: 31 Tín chỉ (bắt buộc: 25 tín chỉ, tự chọn 6 tín chỉ)

- Khối kiến thức ngành 48 Tín chỉ (bắt buộc: 42 tín chỉ, tự chọn 6 tín chỉ)

- Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp 14 Tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Tín chỉ	Số Tiết	Phân bổ giờ lên lớp			Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp	Mã HP song hành	HK thực hiện
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG											
1	1ĐC305GHQY	Triết học Mác - Lê nin	3	45	45		105		ĐC306G HQY		HK1
2	1ĐC306GHQY	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	30		70	ĐC305G HQY	1ĐC307 GHQY		HK2
3	1ĐC307GHQY	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		70	1ĐC306 GHQY	1ĐC304		HK2
4	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		70	1ĐC307 GHQY	1ĐC308 GHQY		HK3
5	1ĐC308GHQY	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30		70	1ĐC304			HK3
6	1ĐC201	Ngoại ngữ1	3	45	45		105				HK1
7	1ĐC202	Ngoại ngữ2	3	45	45		105	1ĐC201			HK2
8	1ĐC103	Tin học đại cương	2	45	15	30	55				HK6
9	1TL101	Tâm lý học đại cương	2	30	30		70				HK3
10	1TL201	Giáo dục học đại cương	2	30	30		70				HK4
11	1ĐC101	Thông kê toán học	2	30	30		70				HK3
12	1ĐC106	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30		70	1ĐC101 1ĐC102			HK5
13	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước	2	30	30		70				HK4
14	1QL101	Pháp luật đại cương	2	30	30		70				HK2
15	1QP001-4	Giáo dục quốc phòng và An ninh	11	165							HK2
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH											
1. Kiến thức cơ sở ngành											
a. Các môn lý thuyết bắt buộc											
1	1TL102HYQ	Tâm lý học Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK5
2	1TL202HYQ	Giáo dục học Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK6

3	1YS701	Giải phẫu Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK2
4	1YS301	Sinh lý Thể dục thể thao 1	2	30	30		70		1YS302		HK3
5	1YS302	Sinh lý Thể dục thể thao 2	2	30	30		70	1YS301			HK4
6	1LL004H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 1	2	30	30		70		1LL005H		HK5
7	1LL005H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 2	2	30	30		70	1LL004H			HK6
8	1QL204H	Quản lý thể thao thành tích cao	2	30	30		70				HK8
9	1TC001	Tuyển chọn thể thao	2	30	30		70				HK8
10	1YS101	Y học Thể dục thể thao	3	45	45		105				HK7
11	1ĐC102	Đo lường Thể thao	2	30	30		70	1ĐC101			HK4
12	1YS601HQ	Hồi phục Thể thao	2	30	30		70				HK7
b. Các môn lý thuyết tự chọn											
1	1YS401GYQ	Sinh hóa Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK7
2	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK2
3	1LL003H	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	2	30	30		70				HK3
4	1TL103H	Tâm lý lứa tuổi	2	30	30		70				HK5
5	1QL301GH	Kinh tế học Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK8
6	1QL307GH	Marketing Thể thao	2	30	30		70				HK6
7	1QI304GHY	Xã hội học Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK6
8	1YS402HQ	Sinh cơ Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK4
9	1YS402YH	Dinh dưỡng Thể thao	2	30	30		70				HK1
10	1LL007	Lịch sử Thể dục thể thao	2	30	30		70				HK1
11	1TL204	Văn hóa thể thao	2	30	30		70				HK3
12	1QL311GHYQ	Khởi nghiệp – Sáng tạo	2	30	30		70				HK
III. KIẾN THỨC NGÀNH:											
a. Các môn bắt buộc											
1	1(BS,CL,VO,B C,BR,BN,CV,B B,GO,VA,QV,B	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể thao chuyên ngành	24	600	120	480	600				HK1-8

	Đ,ĐK,TD,BL) 001- 008H										
2	1ĐK007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	2	60		60	40				HK1
3	1TD007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục	2	60		60	40				HK2
4	1BL007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội	2	60		60	40				HK3
5	1ĐK009H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ	2	45	15	30	55				HK4
6	1BN010H	Lý luận và phương pháp TCVD	2	45	15	30	55				HK1
7	1BR001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ	2	45	15	30	55				HK6
8	1VO007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Võ	2	45	15	30	55				HK5
9	1CL007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cầu lông	2	45	15	30	55				HK4
10	1BB001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng bàn	2	45	15	30	55				HK8
b Các môn tự chọn:											
1	1BC001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền	2	45	15	30	55				HK5
2	1BD001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá	2	45	15	30	55				HK4
3	1BN007GYQH	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng ném	2	45	15	30	55				HK7
4	1CV007GYQH	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cờ vua	2	45	15	30	55				HK3
5	1BS001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bắn súng	2	45	15	30	55				HK7

6	1VAT001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Vật	2	45	15	30	55				HK5
7	1QV001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt	2	45	15	30	55				HK7
8	1BD008H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Đá cầu	2	45	15	30	55				HK6
9	1GO007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Golf	2	45	15	30	55				HK6
IV. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP											
1. Thực tập nghề nghiệp											
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	3	135							HK5
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	5	225							HK7
2. Khóa luận (học phần chuyên môn thay thế)											
1	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp	6	270							HK8
2	1QL206Q	Lý luận và phương pháp Huấn luyện thể thao thành tích cao	3	45	45		105				HK8
3	1YS102GHY	Y sinh học thể dục thể thao	3	45	45		105				HK8
		Tổng cộng	124	2715							

3. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP	Học phần	Mã HP tiên quyết	Số giờ	Số TC	Số giờ trong học kỳ							
						HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG													
1	1ĐC305GHQY	Triết học Mác - Lê nin		45	3	45							
2	1ĐC306GHQY	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		30	2		30						
3	1ĐC307GHQY	Chủ nghĩa xã hội khoa học		30	2		30						
4	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh		30	2			30					
5	1ĐC308GHQY	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam		30	2			30					
6	1ĐC201	Ngoại ngữ 1		45	3	45							

7	1ĐC202	Ngoại ngữ 2	1ĐC201	45	3		45						
7	1ĐC103	Tin học đại cương		30	2						30		
8	1TL101	Tâm lý học đại cương		30	2			30					
9	1TL201	Giáo dục học đại cương		30	2				30				
10	1ĐC101	Thống kê toán học		30	2			30					
11	1ĐC106	Phương pháp NCKH		30	2					30			
12	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước		30	2				30				
13	1QL101	Pháp luật đại cương		30	2		30						
14	1QP001-4	Giáo dục quốc phòng và An ninh		165	11		165						
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH													
1. Các môn lý thuyết bắt buộc													
1	1TL102HYQ	Tâm lý học Thể dục thể thao		30	2					30			
2	1TL202HYQ	Giáo dục học Thể dục thể thao		30	2						30		
3	1YS701	Giải phẫu Thể dục thể thao		30	2		30						
4	1YS301	Sinh lý Thể dục thể thao 1		30	2			30					
5	1YS302	Sinh lý Thể dục thể thao 2		30	2				30				
6	1LL004H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 1		30	2					30			
7	1LL005H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 2		30	2						30		
8	1QL204H	Quản lý thể thao thành tích cao		30	2								30
9	1TC001	Tuyển chọn thể thao		30	2								30
10	1YS101	Y học Thể dục thể thao		45	3							45	
11	1ĐC102	Đo lường Thể thao		30	2				30				
12	1YS601HQ	Hồi phục Thể thao		30	2							30	

2. Các môn lý thuyết tự chọn													
1	1YS401GYQ	Sinh hóa Thể dục thể thao		30	2							30	
2	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao		30	2	30							
3	1LL003H	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất		30	2			30					
4	1TL103H	Tâm lý lứa tuổi		30	2					30			
5	1QL301GH	Kinh tế Thể dục thể thao		30	2								30
6	1QL307GH	Marketing thể thao		30	2						30		
7	1QI304GHY	Xã hội học Thể dục thể thao		30	2						30		
8	1YS402HQ	Sinh cơ Thể dục thể thao		30	2				30				
9	1YS402YH	Dinh dưỡng Thể dục thể thao		30	2	30							
10	1LL007	Lịch sử Thể dục thể thao		30	2	30							
11	1TL204	Văn hóa thể thao		30	2			30					
12	1QL311GHYQ	Khởi nghiệp - Sáng tạo		30	2								
III. KIẾN THỨC NGÀNH:													
1. Các môn bắt buộc													
1	1(BS,CLVO,B C,BR,BN, CV,BB,GO,VA ,QV,BĐ, ĐK,TD,BL) 001- 008H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể thao chuyên ngành		600	24	75	75	75	75	75	75	75	75
2	1ĐK007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh		60	2	60							

3	1TD007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục		60	2		60						
4	1BL007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội		60	2			60					
5	1ĐK009H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ		45	2				45				
6	1BN010H	Lý luận và phương pháp TCVD		45	2	45							
7	1BR001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ		45	2						45		
8	1VO007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Võ		45	2					45			
9	1CL007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cầu lông		45	2				45				
10	1BB001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng bàn		45	2								45
2. Các môn tự chọn													
1	1BC001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền		45	2					45			
2	1BĐ001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá		45	2				45				
3	1BN007GYQH	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng ném		45	2							45	
4	1CV007GYQH	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cờ vua		45	2			45					
5	1BS001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bắn súng		45	2							45	
6	1VAT001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Vật		45	2					45			
7	1QV001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt		45	2							45	

8	1BD008H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Đá cầu		45	2						45		
9	1GO007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Golf		45	2						45		
IV. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP													
1. Thực tập nghề nghiệp													
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1		135	3					135			
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2		225	5							225	
2. Khóa luận (học phần chuyên môn thay thế)													
1	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp		270	6								270
2	1QL206Q	Lý luận và phương pháp Huấn luyện thể thao thành tích cao (HPTT)		135	3								135
3	1YS102GHY	Y sinh học Thể dục thể thao (HPTT)		135	3								135

4. Mô tả tóm tắt các học phần

4.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

1. Triết học Mác - Lê nin (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lê nin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn đại cương. Học phần gồm 3 tín chỉ, 1 học phần. Học phần đề cập đến phần Thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy. Phần này gồm 3 chương: chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lê nin (2 tín chỉ)

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức các môn đại cương. Học phần gồm 2 tín chỉ, cung cấp những tri thức có tính hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 cho đến nay. Từ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại,...).

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư Tưởng Hồ Chí Minh trang bị kiến thức nền tảng về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bao gồm: quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng, Nhà nước của dân, do dân, vì dân, đại đoàn kết dân tộc, văn hóa, đạo đức và con người. Môn học giúp sinh viên nâng cao nhận thức chính trị, tư duy khoa học và tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.

5. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một môn học nghiên cứu về quá trình ra đời, xây dựng, lãnh đạo và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước.

6. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ bản dành cho sinh viên không chuyên, gồm khối lượng kiến thức của 04 bài trong cuốn giáo trình *New English File – Elementary* do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Selison biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- + Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh;
- + Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày.

+ Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói ở mức độ sơ cấp. Mỗi bài học gồm 04 phần tập trung vào các kiến thức về Ngữ âm (Pronunciation), ngữ pháp (Grammar), và từ vựng (Vocabulary), đan xen các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong đó chú trọng phát triển ngôn ngữ nói phục vụ mục đích giao tiếp bằng tiếng Anh. Sau mỗi bài học đều có 01 nội dung thực tế (Practical English) gồm các tình huống như trong nhà hàng, cửa hàng, sân bay, nhà ga, v.v. và phần củng cố kiến thức của toàn bài.

Học phần 2- môn tiếng Anh là môn học bắt buộc dành cho sinh viên các khoa GDTC, HLTT, YHTT, QLTT của Trường ĐHTDTT Bắc Ninh, sinh viên được học trong 45 tiết gồm 3 tín chỉ và tương đương với 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp theo các đề tài đã được chuẩn bị trước (khoảng 4-5 đề tài) về các nội dung được học trong 5 bài theo giáo trình New English File (Elementary) ở cả phần Sách học sinh và phần sách bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua 5 bài được học, sinh viên sẽ nắm bắt các vấn đề ngữ pháp như: thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các giới từ chỉ vị trí, danh từ đếm được, không đếm được, tính từ so sánh hơn, hơn nhất.. và luyện các kỹ năng Nói, nghe, đọc, viết ở ngưỡng cơ bản.

Học phần Tiếng Trung 1 là học phần thuộc khối kiến thức chung bắt buộc, được xếp học trong học kỳ thứ nhất hoặc kỳ thứ hai của chương trình đào tạo. Học phần Tiếng Trung 1 giúp cho người học có kiến thức cơ bản và tiến hành các giao tiếp đơn giản theo các chủ đề quen thuộc. Học phần Tiếng Trung 1 đặt nền tảng và nhận thức căn bản cho người học trong việc bước đầu tiếp xúc và làm quen với ngôn ngữ văn hoá Trung Quốc, xây dựng cho người học ý niệm và cách thức phân biệt, sử dụng những tri thức nền tảng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Hán sơ cấp. Học phần này là cơ sở tiên quyết để người học có thể tiếp tục theo học Tiếng Trung 2 và đạt được chuẩn đầu ra theo các quy định về năng lực ngoại ngữ dành cho sinh viên bậc đại học chính quy.

Học phần 2- môn tiếng Trung là môn học bắt buộc dành cho sinh viên các khoa GDTC, HLTT, YHTT, QLTT của Trường ĐHTDTT Bắc Ninh, sinh viên được học trong 45 tiết gồm 3 tín chỉ và tương đương với 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp theo các đề tài đã được chuẩn bị trước (khoảng 4-5 đề tài) về các nội dung được học trong 6 bài theo giáo trình 汉语教程 ở cả phần Sách học sinh và phần sách bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua 6 bài được học, sinh viên sẽ nắm bắt các vấn đề như củng cố hệ thống ngữ âm, Chữ Hán và cách sắp xếp trật tự câu trong tiếng Trung và luyện các kỹ năng Nói, nghe, đọc, viết ở ngưỡng cơ bản.

7. Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên một số kiến thức khái quát về công nghệ thông tin, sự phát triển của công nghệ thông tin, những ứng dụng của công nghệ thông tin trong đời sống xã hội, các kiến thức, kỹ năng để soạn thảo văn bản, xử lý số liệu trên bảng tính, xây dựng bài thuyết trình và tìm kiếm, trao đổi thông tin trên mạng Internet.

Thông qua các bài thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sử dụng máy tính phục vụ công việc học tập và nghiên cứu khoa học, là công cụ hỗ trợ cho việc học các môn học tiếp theo của chương trình và chuẩn bị những kỹ năng ứng dụng công nghệ

thông tin khi ra trường, đáp ứng những yêu cầu của nhà tuyển dụng trong thời đại chuyển đổi số và công nghiệp 4.0.

8. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành HLTT, học phần Tâm lý học đại cương nằm trong nhóm các học phần Kiến thức đại cương. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý người. Mô tả các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người, những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người trên cơ sở đó giúp người học nhận diện, phân biệt được cũng như nắm được các cơ chế hoạt động của các hiện tượng tâm lý người như: hoạt động, giao tiếp; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách, để từ đó vận dụng vào các hoạt động chuyên môn đồng thời còn giúp sinh viên có thể tiếp tục học các học phần Tâm lý học TDDT, Tâm lý học lứa tuổi. Học phần gồm 6 chương: Chương 1. Tâm lý học là một khoa học; Chương 2. Hoạt động, giao tiếp và sự nảy sinh phát triển của tâm lý, ý thức; Chương 3. Hoạt động nhận thức; Chương 4. Tình cảm và ý chí; Chương 5. Trí nhớ; Chương 6. Nhân cách và sự hình thành nhân cách.

9. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng. Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay, các con đường để thực hiện giáo dục. Học phần còn giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

10. Thống kê toán học (2 tín chỉ)

Thống kê toán học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương. Là môn học nền tảng để học tiếp môn học Đo lường thể thao và môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học.

Nội dung của học phần Thống kê toán học bao gồm: 7 chương

Chương 1: Nhập môn thống kê toán học

Chương 2: Cách trình bày số liệu

Chương 3: Tham số đặc trưng

Chương 4: Ước lượng số trung bình

Chương 5: Kiểm định t-test

Chương 6: Kiểm định χ^2 – test

Chương 7: Tương quan và hồi quy

11. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học được coi là một trong những học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo. Học phần có 02 tín chỉ, chia thành 02 chương, trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp NCKH TDDT: Các khái niệm; phân loại khoa học; các hướng nghiên cứu khoa học trong TDDT; nội dung của giai đoạn nghiên cứu đề tài khoa học; nội dung của Đề cương và Khóa luận tốt nghiệp; hiểu và biết cách sử dụng các

phương pháp NCKH TDTT giải quyết vấn đề cần nghiên cứu.

12. Quản lý hành chính nhà nước (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về những vấn đề chung của Nhà nước trên tất cả các mặt quan trọng như: quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý quốc phòng - an ninh, tôn giáo, dân tộc và niềm núi, dân số, lao động, tài nguyên và môi trường, với các lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội như: giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế và TDTT.

13. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam.

14. Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

15. Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

16. Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kĩ năng chiến thuật, kĩ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiên công, phòng ngự từng người.

17. Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các

quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

4.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

Các môn bắt buộc:

18. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

19. Giáo dục học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Giáo dục học TDTT là môn học bắt buộc được giảng dạy cho sinh viên hệ đại học chính quy ở các trường đại học TDTT. Trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Huấn luyện thể thao, môn Giáo dục học TDTT được giảng dạy cho sinh viên năm thứ ba. Môn học cung cấp, trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức, kỹ năng cơ bản & giáo dục tình yêu nghề nghiệp, mức độ tự chủ và ý thức trách nhiệm trong hoạt động học tập – hoạt động nhận thức.

Môn học gồm bảy chương được chia thành ba phần: Những vấn đề chung của khoa học giáo dục học TDTT, lý luận dạy học & lý luận giáo dục.

20. Giải phẫu Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

21. Sinh lý Thể dục thể thao 1 (2 tín chỉ)

Môn học Sinh lý TDTT 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức về thành phần chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể như hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ thần kinh, hệ tiêu hóa, hệ vận động và ảnh hưởng của tập luyện thể dục thể thao đối với các hệ cơ quan này.

22. Sinh lý Thể dục thể thao 2 (2 tín chỉ)

Nội dung môn học Sinh lý TDTT 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc tính sinh lý các bài tập thể thao, biến đổi các chỉ số sinh lý của cơ thể khi tham gia các bài tập thuộc các vùng công suất khác nhau. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở sinh lý và các phương pháp phát triển các tổ chất vận động; về cơ sở hình thành kỹ năng vận động; về đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong các hoạt động thể thao khác nhau. Từ đó, giúp sinh viên có cơ sở khoa học trong ứng dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tế tổ chức hướng dẫn tập luyện cho các đối tượng khác nhau nhằm nâng cao sức khỏe cho mọi người.

23. Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 1 (2 tín chỉ)

Trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Huấn luyện thể thao, học phần Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 1 nằm trong nhóm các học phần kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao. Là một bộ phận của khoa học huấn luyện thể thao và một phần quan trọng nhằm trang bị những kiến thức khoa học trong lĩnh vực TDDT.

24.. Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 2 (2 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 2 là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực huấn luyện thể thao. Nó chiếm vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TDDT. Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức chuyên ngành giúp sinh viên biết vận dụng các phương tiện, phương pháp... vào thực tiễn công tác huấn luyện thể thao một cách khoa học. Đó cũng là những tri thức không thể thiếu trong đào tạo cán bộ huấn luyện thể thao bậc đại học thuộc ngành huấn luyện thể thao.

25. Quản lý thể thao thành tích cao (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và quản lý thể dục thể thao, trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề trong quản lý lĩnh vực thể thao thành tích cao. Qua những kiến thức cơ bản này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức quản lý trong thực tiễn công tác huấn luyện cũng như công tác đào tạo vận động viên sau này.

26.. Tuyển chọn thể thao (2 tín chỉ)

Tuyển chọn thể thao là môn khoa học và môn học về những cơ sở lý luận khoa học quan trọng, là một trong những môn học không thể thiếu trong chương trình đào tạo cán bộ về thể dục thể thao nói chung và đào tạo cán bộ thể dục thể thao chất lượng cao nói riêng. Đây là môn học cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận về khoa học tuyển chọn thể thao, nắm được những khái niệm cơ bản liên quan đến tuyển chọn thể thao, các nguyên tắc và phương pháp tuyển chọn, trình tự các bước trong tuyển chọn vận động viên, làm cơ sở để tiếp tục học tập, nghiên cứu và vận dụng trong thực tiễn công tác sau này.

27. Y học thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện. Kiến thức và phương pháp để bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra. Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khỏe, tăng tuổi thọ. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TDDT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

28. Đo lường thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TDDT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn... Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

29. Hồi phục thể thao (2 tín chỉ)

Hồi phục thể thao là môn khoa học thực hành nằm trong hệ thống các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong các trường đại học thể dục thể thao. Trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Huấn luyện thể thao Hồi phục thể thao là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hồi phục thể thao bao gồm: đặc điểm mệt mỏi và quy luật hồi phục trong các loại hình tập luyện khác nhau; phương pháp chẩn đoán mệt mỏi, cách thức tiến hành và nguyên tắc sử dụng các phương tiện hồi phục thể thao, từ đó sinh viên biết cách vận dụng vào thực tế tập luyện và thi đấu TDTT, chăm sóc sức khỏe vận động viên và đời sống hàng ngày.

Các môn tự chọn

30. Sinh hóa thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sinh hóa thể dục thể thao là môn học nằm trong hệ thống các môn khoa học cơ sở của thể dục thể thao, thuộc lĩnh vực y sinh học giảng dạy cho sinh viên ngành Huấn luyện TT.

Học phần tập trung vào việc nghiên cứu các quá trình sinh hóa diễn ra trong cơ thể khi vận động và tập luyện thể dục thể thao. Sinh hóa thể dục thể thao là môn khoa học sử dụng kiến thức tổng hợp của hóa học và sinh học để nghiên cứu về sự biến đổi của các hợp chất hóa học hữu cơ trong cơ thể để cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động, tầm quan trọng của hiểu biết sinh hóa trong huấn luyện và hồi phục. Bên cạnh đó còn xem xét ảnh hưởng của cường độ và thời gian vận động lên chuyển hóa năng lượng cũng như cấu trúc và chức năng của cơ. Chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể sẽ biến đổi theo hướng thích nghi dưới tác động của hoạt động mang tính hệ thống.

31. Vệ sinh thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Vệ sinh TDTT là một môn khoa học nằm trong hệ thống các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong các trường đại học thể dục thể thao. Học phần cung cấp kiến thức về vệ sinh thể dục thể thao. Nội dung bao gồm: Vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng, môi trường, buổi tập, tập luyện theo độ tuổi và vệ sinh tập luyện trong điều kiện thời tiết điều kiện đặc biệt, cùng các tiêu chuẩn vệ sinh trong trường học.

32. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TDTT như khái niệm, vai trò của TDTT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TDTT.

33. Tâm lý lứa tuổi (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự phát triển tâm lý của con người từ giai đoạn sơ sinh đến tuổi già. Giúp sinh viên hiểu được các quy luật, đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý theo từng giai đoạn tuổi. với những biểu hiện cụ thể về nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách, ngôn ngữ... Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức đã học nhằm giải thích các hiện tượng tâm lý lứa tuổi đồng thời biết cách giao tiếp và ứng xử phù hợp với các đối tượng trong độ tuổi từ học sinh trung học đến tuổi trưởng thành, người cao tuổi.

34. Kinh tế học thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế, thị trường, cung cầu trên thị trường, thể thao và kinh tế. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế vĩ mô, kinh tế thể thao, cung ứng hàng hóa TDTT. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác huấn luyện thể thao nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

35. Marketing thể thao (2 tín chỉ)

Marketing thể thao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp kiến thức về hoạt động marketing trong lĩnh vực thể thao, bao gồm cả sản phẩm, dịch vụ, sự kiện, thương hiệu và tổ chức thể thao. Đồng thời tập trung phân tích đặc điểm thị trường thể thao, hành vi người tiêu dùng thể thao, các công cụ marketing mix, kỹ năng xây dựng và triển khai chiến lược marketing thể thao hiện đại, trong đó có marketing sự kiện, digital marketing, quản trị thương hiệu thể thao và tài trợ thể thao.

36.. Xã hội học thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp sinh viên nắm, hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học xã hội, những mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa Thể dục thể thao với các môn khoa học xã hội khác, để có thể nắm hiểu các quy luật vận động của xã hội tác động tới lĩnh vực thể dục thể thao, từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác học tập, làm việc trong lĩnh vực thể dục thể thao sau này.

37. Sinh cơ thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sinh cơ TDTT là một môn khoa học nằm trong hệ thống các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong các trường đại học thể dục thể thao. Học phần cung cấp kiến thức về quy luật chuyển động cơ học trong thể dục thể thao. Nội dung bao gồm: Các ngoại lực trong chuyển động thể thao, nền tảng cơ học, các định luật Niuton, các hình thức vận động cơ bản, sinh cơ học của xương, cơ sinh cơ học của chạy, đi bộ, bơi, nhảy
xa...

38. Dinh dưỡng thể thao (2 tín chỉ)

Dinh dưỡng thể dục thể thao là một môn khoa học ứng dụng nằm trong hệ thống các môn Y sinh học TDTT, được giảng dạy ở chuyên ngành Huấn luyện TT của Trường đại học TDTT Bắc Ninh. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, chế độ dinh dưỡng cho những người tập luyện TDTT những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng. Sau khi hoàn thành chương trình sinh viên có đủ năng lực vận dụng những kiến thức dinh dưỡng vào công tác chăm sóc sức khỏe VĐV và nghiên cứu khoa học TDTT, nâng cao thành tích thể thao. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về nhu cầu năng lượng và khẩu phần dinh dưỡng của vận động viên thể thao, góp phần giúp vận động viên có khả năng phát triển kiến thức để tự thiết kế khẩu phần dinh dưỡng hợp lý cho bản thân mình, cho vận động viên các môn thể thao ở các lứa tuổi khác nhau. Sử dụng thực phẩm một cách khoa học đáp ứng yêu cầu của huấn luyện hiện đại trong đó vận động viên hiểu biết về “thực đơn dinh dưỡng” của mình.

39. Lịch sử thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Trong chương trình đào tạo trình độ cử nhân của ngành HLTT, học phần Lịch sử TDTT nằm trong nhóm các học phần kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Lịch sử TDTT, là một trong những môn học thuộc khoa học xã hội. Là một bộ phận của khoa học lịch sử và một phần quan trọng nhằm trang bị những kiến thức khoa học trong lĩnh vực TDTT.

40. Văn hóa thể thao (2 tín chỉ)

Học phần Văn hóa thể thao trong chương trình đào tạo đại học ngành Huấn luyện thể thao được trình bày qua 4 chương gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về văn hóa và văn hóa thể thao như khái niệm, đặc điểm, vai trò, các yếu tố tác động... những yếu tố cấu thành nên văn hóa thể thao đó là triết lý thể thao, luật lệ thể thao, đạo đức thể thao và những biểu hiện của văn hóa thể thao trong đó có bao gồm nhân cách văn hóa của các chủ thể trong hoạt động thể thao và văn hóa thể thao trong các hoạt động cụ thể; Văn hóa thể thao quốc tế và văn hóa thể thao Việt Nam; Xác định những vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục văn hóa thể thao cho vận động viên thể thao. Các nội dung trên chương trình được thể hiện bằng các hình thức diễn giải, phân tích kết hợp với một số hình ảnh minh họa. Cuối mỗi chương đều có phần tóm lược và câu hỏi ôn tập nhằm giúp người học củng cố lại và phát triển các kiến thức đã học.

41. Khởi nghiệp – sáng tạo (2 tín chỉ)

Khởi nghiệp – sáng tạo là học phần tự chọn thuộc phần kiến thức cơ sở ngành của tất cả các chương trình đào tạo tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và kỹ năng thiết yếu về tư duy khởi nghiệp, tư duy sáng tạo, đổi mới và xây dựng mô hình kinh doanh. Thông qua 4 chương học, sinh viên được tiếp cận các khái niệm cơ bản về khởi nghiệp, kỹ năng tư duy sáng tạo, các công cụ đổi mới hiệu quả, và cách thiết kế cũng như đổi mới mô hình kinh doanh trong lĩnh vực TDTT. Ngoài việc học lý thuyết, học phần còn khuyến khích sinh viên phát triển tinh thần doanh nhân, khả năng kiến tạo giá trị, và vận dụng kiến thức vào thực hành qua các tình huống mô phỏng, thảo luận nhóm và dự án nhỏ. Học phần là nền tảng để sinh viên bước đầu hình thành ý tưởng khởi nghiệp phù hợp với lĩnh vực chuyên môn và bối cảnh thực tiễn hiện nay của TDTT.

4.3. Khởi kiến thức ngành (bắt buộc)

42. Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành (24 tín chỉ)

Học phần 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức ban đầu về môn thể thao chuyên ngành, nguyên lý chung khi thực hiện kỹ thuật và giới thiệu các kỹ thuật cơ bản. Phần thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản.

Học phần 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức về chiến thuật môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản và bước đầu phối hợp các kỹ thuật.

Học phần 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức về dạy học môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các kỹ- chiến thuật cơ bản.

Học phần 4 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức về công tác huấn luyện môn thể thao chuyên ngành, xây dựng kế hoạch và các nguyên tắc huấn luyện. Phần thực hành tập luyện nâng cao kỹ - chiến thuật cơ bản thuần thực.

Học phần 5 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức về công tác huấn luyện môn thể

thao chuyên ngành và PP huấn luyện môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các chiến thuật cơ bản thuần thực và đạt được hiệu quả trong tập luyện và thi đấu.

Học phần 6 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức lý luận chung, nguyên tắc và PP tuyển chọn VĐV môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các kỹ- chiến thuật nâng cao thực hiện tốt, đạt được hiệu quả cao nhất.

Học phần 7 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các bước xây dựng, lập kế hoạch, viết đề cương nghiên cứu khoa học môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện, có khả năng vận dụng có hiệu quả các chiến thuật đạt được thành tích cao nhất.

Học phần 8 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết, sinh viên sẽ nắm vững được PP tổ chức thi đấu, luật cơ bản và công tác trọng tài giải quyết các tình huống trong thi đấu môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các kỹ- chiến thuật nâng cao nhuần nhuyễn, đạt hiệu cao nhất.

43. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh (2 tín chỉ)

Học phần Điền kinh (60 tiết thực hành, 2 tín chỉ) được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên ngành Huấn luyện thể thao kiến thức và kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật điền kinh. Học phần tạo điều kiện để sinh viên cải thiện thể lực, nâng cao khả năng phân tích kỹ thuật, xây dựng giáo án và tổ chức huấn luyện trong các môi trường thể thao chuyên nghiệp. Thông qua việc thực hành các nội dung chính như:

- Kỹ thuật chạy cự ly trung bình và cự ly ngắn
- Kỹ thuật chạy tiếp sức
- Nhảy cao úp bụng và nhảy xa uốn thân
- Kỹ thuật đẩy tạ lưng hướng ném

Sinh viên sẽ phát triển nền tảng vững chắc để ứng dụng trong công tác giảng dạy, tổ chức huấn luyện, đồng thời hướng đến mục tiêu trở thành những huấn luyện viên điền kinh chuyên nghiệp, đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn trong lĩnh vực thể thao hiện đại.

44. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục (2 tín chỉ)

Thể dục phát triển chung và Vũ đạo thể dục là một trong hai loại hình chủ yếu của được xây dựng từ thể dục, bao gồm các bài tập có tác dụng phát triển cơ thể toàn diện nâng cao sức khỏe cho người tập (hay còn gọi là thể dục nhằm mục đích sức khỏe, văn hoá, xã hội: bao gồm các phương tiện của thể dục thuộc nhóm một, số lượng bài tập rất phong phú, đa dạng được sử dụng rộng rãi cho mọi đối tượng tập luyện), kết hợp thêm các chuyển động có tính liên hoàn và một số động tác múa cơ bản được cộng hưởng gắn kết với âm nhạc. Bài tập phát triển chung và Vũ đạo thể dục là các động tác thực hiện phối hợp một hoặc nhiều bộ phận cơ thể với các đạo cụ, dụng cụ khác nhau, được lựa chọn, sắp xếp và thực hiện một cách hợp lý theo một qui luật phát triển của cơ thể con người.

Bài thể dục phát triển chung và Vũ đạo thể dục nhằm phát triển thể lực, tạo sự hứng thú cho học sinh tập luyện nhằm hình thành những kỹ năng vận động cơ bản, củng cố và nâng cao, có sự tác động trực tiếp tích cực đến việc rèn luyện sức khỏe và ý chí phẩm chất đạo đức cho người học hết sức to lớn.

Là môn học nền tảng trang bị cho người học kiến thức biên soạn, sáng tác và

giảng dạy các bài tập phát triển chung và vũ đạo thể dục biểu diễn từ quy mô nhỏ đến quy mô vừa, tạo tiền đề biên soạn giảng dạy các môn học mang tính tập thể. Thể dục phát triển chung – vũ đạo thể dục là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức dạy học vận động đa môn học, cần thiết trong đời sống thực tiễn, góp phần hoàn thiện phẩm chất đạo đức, ý chí, kỹ năng vận động, khả năng sáng tạo cho người tập, đây là môn học quan trọng trong hệ thống các môn kiến thức ngành của kế hoạch đào tạo sinh viên các ngành học, thuộc chương trình đào tạo chuyên ngành giáo dục thể chất được phân bổ theo chương trình là 01 học phần, 60 tiết thực hành. Qua kiến thức được trang bị từ môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cơ sở lý luận và thực tiễn, giúp cho sinh viên nắm vững được các nguyên lý kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện cũng như đánh giá môn học.

45. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội (2 tín chỉ)

Bơi là một môn thể thao gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người, được ưa chuộng và phổ cập rộng rãi trên thế giới, với rất nhiều bộ huy chương ở các nội dung khác nhau. Tập luyện bơi giúp con người nâng cao sức khỏe một cách toàn diện, là kỹ năng quan trọng và phương tiện hữu hiệu giúp con người trong lao động sản xuất, chiến đấu bảo vệ tổ quốc, phòng chống thiên tai bão lũ, chống đuối nước, chữa một số bệnh và hồi phục sức khỏe. Học phần lý luận và phương pháp huấn luyện bơi là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Được phân bổ theo chương trình là 60 tiết.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng bơi và an toàn trong môi trường nước, giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động dưới nước, nâng cao sức khỏe và phát triển thể chất. Đồng thời học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp huấn luyện bơi, giúp sinh viên có thể tổ chức, hướng dẫn và huấn luyện bơi một cách khoa học và hiệu quả cho người học ở các trình độ khác nhau.

46. Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ (2 tín chỉ)

Học phần môn Cử Tạ được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành chuyên sâu trong môn thể thao cử tạ. Nội dung học bao gồm 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành, tập trung vào hai kỹ thuật chính: cử giật và cử đẩy.

Lý thuyết: Sinh viên sẽ được tìm hiểu lịch sử phát triển của môn cử tạ, các nguyên lý vật lý, sinh lý và giải phẫu liên quan đến chuyển động nâng tạ. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến nguyên tắc kỹ thuật của cử giật và cử đẩy, phương pháp huấn luyện, xây dựng chương trình tập luyện, cùng với quy định và tiêu chuẩn thi đấu quốc tế.

Thực hành: Qua 30 tiết thực hành, sinh viên sẽ được hướng dẫn và luyện tập từng bước các kỹ thuật cử giật và cử đẩy. Các bài tập được thiết kế nhằm đảm bảo việc thực hiện động tác đúng kỹ thuật, phát triển sức mạnh và sự linh hoạt, đồng thời tăng cường khả năng tự đánh giá và điều chỉnh trong quá trình luyện tập.

Học phần này không chỉ nhằm nâng cao năng lực thể chất và kỹ thuật mà còn giúp sinh viên hình thành tinh thần tự giác, kỷ luật và sự chuyên nghiệp trong thi đấu thể thao. Qua đó, sinh viên sẽ tự tin áp dụng các kiến thức và kỹ năng học được vào thực tiễn, cũng như chuẩn bị cho những cơ hội thi đấu và phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực cử tạ.

47. Lý luận và phương pháp TCVD (2 tín chỉ)

Trò chơi vận động là một trong các môn học chính quy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nhằm đào tạo sinh viên ngành Huấn luyện thể thao. Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận, phương pháp giảng dạy, biên soạn, sáng tác, tổ chức chơi trò chơi và tổ chức quản lý môn Trò chơi vận động.... Vận dụng giảng dạy cho mọi đối tượng

48. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên môn cơ bản của môn Bóng rổ. Giúp người học biết được một số điều luật cơ bản của môn Bóng rổ, người học có các kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các kỹ thuật. Học xong học phần này người học có thể làm hướng dẫn viên Bóng rổ ở bậc tiểu học và THCS. Hướng dẫn các kỹ thuật cơ bản cho người mới tập luyện.

49. Lý luận và phương pháp huấn luyện Võ (2 tín chỉ)

Học phần kỹ thuật võ thuật, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức ban đầu về môn võ thuật, nguyên lý kỹ thuật và giới thiệu các kỹ thuật cơ bản. Phần thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản, đối luyện, tự vệ, Quyền tổng hợp, Kiếm liên hoàn, thi đấu, thể lực chung, chuyên môn và có khả năng hướng dẫn tập luyện môn võ thuật.

50. Lý luận và phương pháp huấn luyện Cầu lông (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuyết thuyết và thực hành của môn Cầu lông

- Lý thuyết: Vị trí, tác dụng và lịch sử phát triển môn Cầu lông; Nguyên lý và kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông; Luật thi đấu môn Cầu lông, Phương pháp tổ chức thi đấu Cầu lông, Phương pháp trọng tài Cầu lông.

- Thực hành: Giới thiệu các kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông; Phát triển thể lực chuyên môn.

51. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng bàn (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức ban đầu về môn bóng bàn, nguyên lý chung khi đánh bóng và giới thiệu các kỹ thuật cơ bản. Phần thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản như(Vụt nhanh thuận tay, trái tay; Gò bóng thuận trái tay và kỹ thuật giật bóng).

Các môn tự chọn:

52. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Học phần lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ thuật bóng chuyền, chiến thuật thi đấu, bồi dưỡng các năng lực về giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền có thể vận dụng nó trong thực tế giảng dạy.

53. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cơ bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá trong giáo dục thể chất và trong đời sống xã hội. Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp giảng dạy kỹ thuật, chiến thuật bóng đá cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, cũng như khả năng phân tích,

đánh giá và phát triển chương trình giảng dạy bóng đá phù hợp với các đối tượng người học khác nhau.

54. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng ném (2 tín chỉ)

Học phần Bóng ném trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận, năng lực thực hành về chuyên môn Bóng ném cũng như những phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu, trọng tài và tổ chức quản lý môn Bóng ném.

55. Lý luận và phương pháp huấn luyện Cờ vua (2 tín chỉ)

Học phần Cờ vua trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận, năng lực thực hành về chuyên môn Cờ vua cũng như những phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu, trọng tài và tổ chức quản lý môn Cờ vua.

56. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bắn súng (2 tín chỉ)

Học phần này giúp sinh viên nắm được ý nghĩa, tác dụng môn bắn súng thể thao, lịch sử môn bắn súng thể thao Việt Nam và thế giới, giúp sinh viên hình thành những khái niệm cơ bản và lý luận, luật, phương pháp tổ chức thi đấu, kiểm tra trọng tài môn súng trường hơi và các kỹ năng tập luyện, huấn luyện cơ bản môn súng trường hơi. Có thể làm được cộng tác viên, hướng dẫn viên bắn súng môn Bắn súng nội dung súng trường hơi.

57. Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên một số kiến thức lý luận như: Lịch sử phát triển môn quần vợt trên thế giới và ở Việt Nam, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Quần vợt, một số kỹ thuật cơ bản quan trọng của môn học, đồng thời phát triển thể lực chuyên môn. Bồi dưỡng kỹ năng cơ bản môn Quần vợt để sinh viên có thể hướng dẫn lại các kỹ thuật Quần vợt cho người tập ở cơ sở khi ra trường.

58. Lý luận và phương pháp huấn luyện Đá cầu (2 tín chỉ)

Học phần đá cầu cơ bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển, đặc điểm, vai trò của môn đá cầu trong giáo dục thể chất và trong đời sống xã hội. Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp giảng dạy kỹ thuật, chiến thuật đá cầu cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, cũng như khả năng phân tích, đánh giá và phát triển chương trình giảng dạy đá cầu phù hợp với các đối tượng người học khác nhau.

59. Lý luận và phương pháp huấn luyện Golf (2 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp giảng dạy thực hành Golf cơ bản, là học phần dành cho sinh viên không chuyên Golf, là một học phần nguyên vẹn với tổng số thời gian thực hiện học phần là 45 giờ, tương đương 2 tín chỉ. Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật gậy sắt và giới thiệu gậy gỗ của môn Golf; trang bị những kỹ năng thực hành kỹ thuật động tác đánh Golf trong quá trình học tập; trang bị cho sinh viên sơ bộ về kiến thức chung lịch sử ra đời, đặc điểm của môn Golf, luật chơi cơ bản, các thuật ngữ và phương pháp tính điểm với ghi biên bản đấu Golf; giúp sinh viên có khả năng nắm bắt kỹ thuật cơ bản của Golf. Nhằm cho sinh viên nắm bắt được một cách tổng hợp cơ bản bước đầu tri thức của môn Golf.

4.4. Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp(Học phần thay thế)

60. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Tìm hiểu, trực tiếp làm quen với điều kiện thực tiễn để sinh viên có hướng rèn luyện làm quen với thực tiễn hoạt động của các phòng, trung tâm, các Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch. Qua công tác thực tập nghiệp vụ lần 1 sẽ bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật trong công tác chuyên môn.

61. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Tìm hiểu, làm quen với điều kiện thực tiễn ở cơ sở để sinh viên có hướng rèn luyện, học tập và hoàn thiện các nghiệp vụ chuyên môn về TDTT. Giúp sinh viên củng cố và vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào thực tiễn phong trào TDTT cơ sở, hình thành kỹ năng hoạt động chuyên môn. Bồi dưỡng tình yêu ngành nghề cho sinh viên, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật của người cán bộ TDTT, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trang bị kỹ năng tổ chức các hoạt động nghiệp vụ TDTT ở cơ sở.

62. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Trong học kì cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

63. Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao thành tích cao (3 tín chỉ)

(HPTT)

Trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Huấn luyện thể thao, học phần Lý luận và phương pháp thể thao thành tích cao nằm trong nhóm các học phần kiến thức cơ sở ngành. Học phần này khái quát toàn bộ kiến thức về Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao, là học phần thay thế khi sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp. Là một bộ phận của khoa học huấn luyện thể thao nhằm trang bị những kiến thức khoa học trong lĩnh vực TDTT.

64. Y sinh học thể dục thể thao (3 tín chỉ) (HPTT)

Y sinh học TDTT là môn khoa học thực hành, nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn của hai lĩnh vực là y học và sinh học ứng dụng trong TDTT. Trong chương trình đào tạo đại học ngành Huấn luyện thể thao môn học là học phần chuyên môn thay thế 2 cho khóa luận tốt nghiệp thuộc khối thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến công tác kiểm tra y học TDTT, mệt mỏi và hồi phục trong hoạt động TDTT. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có khả năng vận dụng các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá các chỉ tiêu y sinh học trong đánh giá trình độ tập luyện người tập, lượng vận động buổi tập, tuyển chọn tài năng thể thao, giúp sinh viên có cơ sở khoa học đúng đắn trong đánh giá những ảnh hưởng của tập luyện lên cơ thể người tập, mức độ mệt mỏi, nguy cơ tổn thương và các phương pháp phục hồi nhằm nâng cao năng lực vận động, đề phòng chấn thương và bệnh lý nghề nghiệp cho người tập luyện TDTT.

5. Đề cương chi tiết (đính kèm tại phụ lục)

6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Chương trình đào tạo ngành Huấn luyện thể thao có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, việc dành một tỷ lệ lớn quỹ thời gian cho thực hành là cần thiết.

Lý thuyết phải gắn liền và giữ vai trò chủ đạo đối với thực hành. Trong các giờ thực hành ngoài việc giải quyết các yêu cầu về thể lực, kỹ chiến thuật... cho hoạt động chuyên môn về TDDT, cần đặc biệt coi trọng thực hành để hình thành năng lực huấn luyện cho sinh viên.

Tăng cường áp dụng các phương pháp huấn luyện tích cực hướng vào việc đặt và giải quyết vấn đề thực tiễn của việc học tập và công tác sau này. Phải thực hiện tiêu chí quan trọng của dạy học đại học là dạy cách học cho sinh viên; trang bị cho họ những phương pháp và kỹ năng cơ bản để tăng cường khả năng tự học và nghiên cứu, có thói quen học tập suốt đời.

Đảm bảo cho sinh viên có đủ tài liệu và phương tiện học tập, khuyến khích việc giảm giờ lý thuyết trên lớp để tăng giờ thực hành và tự học cho sinh viên.

Tận dụng tối đa những công cụ và công nghệ dạy học mới. Trang bị các phòng tập đa năng, phòng y sinh học TDDT, phòng thí nghiệm mang tính đặc thù. Thường xuyên mời các chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác nhau về giảng bài, cho sinh viên được tiếp xúc với các hoạt động TDDT thành tích cao.

Giao nhiệm vụ cho sinh viên vào thời gian tự học, nhất là đối với các nội dung hoàn thiện kỹ thuật động tác và nâng cao thành tích ở các môn thể thao.

6.1 Phương pháp dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là phương pháp dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Phương pháp dạy học này thường được áp dụng khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Phương pháp dạy học trực tiếp bao gồm phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng và phương pháp báo cáo chuyên gia.

- Giải thích cụ thể (Explicit teaching): giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

- Thuyết giảng (Lecture): giảng viên trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giải. Sinh viên nghe giảng, ghi chú để tiếp nhận các kiến thức.

- Đàm thoại - Tham luận: Giảng viên khéo léo đặt hệ thống câu hỏi để sinh viên trả lời nhằm gợi mở cho sinh viên sáng tỏ những vấn đề mới; tự khai phá những tri thức mới bằng sự tái hiện những kiến thức đã học hoặc những kinh nghiệm đã tích lũy được, nhằm giúp sinh viên củng cố, mở rộng, đào sâu, tổng kết, hệ thống hoá tri thức đã tiếp thu được.

6.2. Dạy học gián tiếp

Giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

- Câu hỏi gợi mở: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

- Giải quyết vấn đề: Người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Giảng viên tạo ra những

tình huống có vấn đề, điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề hay thách thức trong thực tế để sinh viên hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề bằng quan điểm cá nhân và kiến thức đã lĩnh hội.

- Học theo tình huống: Giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

6.3. Học trải nghiệm

Là phương pháp dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

- Mô hình: Sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

- Thực tập, thực tế: Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại các đơn vị và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công việc đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong đơn vị. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Thí nghiệm: Giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

- Nhóm nghiên cứu giảng dạy: Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

6.4. Dạy học tương tác

Giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

- Tranh luận: Giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

- Thảo luận: Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

- Học nhóm: Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

6.5. Tự học

Tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Bài tập ở nhà: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra.

7. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a) Học phần lý thuyết, thực hành

TT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Chuyên cần	Mức độ tham dự theo thời khóa biểu Mức độ tham gia các hoạt động học tập	10%
2	Quá trình	Học phần lý thuyết: Hiểu được lý thuyết, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống theo yêu cầu của bài kiểm tra Học phần thực hành: Thực hiện các kỹ thuật động tác hoặc bài test theo yêu cầu của từng môn thể thao	30%
3	Cuối kỳ	Học phần lý thuyết: Hiểu được lý thuyết, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống theo yêu cầu của bài thi. Nội dung kiểm tra toàn bộ học phần. Học phần thực hành: Theo tiêu chí riêng của từng môn thể thao	60%
Tổng điểm		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	100%

b) Học phần Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần chuyên môn thay thế):

TT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Học phần Khóa luận tốt nghiệp			
1	Nội dung	Tính cấp thiết, mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu	10%
		Tổng quan vấn đề nghiên cứu	10%
		Phương pháp và tổ chức nghiên cứu	10%
		Kết quả nghiên cứu và bàn luận	30%
		Kết luận và kiến nghị	10%
2	Hình thức	Hình thức, bố cục khóa luận và tóm tắt khóa luận	10%
3	Trình bày báo cáo	Báo cáo khóa luận	10%
		Hỏi và trả lời	10%

Tổng điểm			100%
Học phần chuyên môn thay thế			
1	Chuyên cần	Điểm danh, theo dõi ý thức và sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	10%
2	Quá trình	Kiểm tra tự luận trên lớp	30%
3	Cuối kỳ	Thi tự luận đề kín do phòng khảo thí tổ chức.	60%
Tổng cộng			100%

8. Thời gian cập nhật

Thời điểm rà soát được thực hiện căn cứ vào Hướng dẫn rà soát, xây dựng CTĐT theo Quyết định số: 790/QĐ-TDTTBN ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc phê duyệt Quyết định ban hành quy định rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo cho các ngành đại học Trường đại học TDTT Bắc Ninh, và Quyết định số: 1031/QĐ-TDTTBN ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHTDTT Bắc Ninh về việc ban hành kế hoạch rà soát điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo.

Căn cứ Quyết định số: 648/QĐ-TDTTBN ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh về việc phê duyệt Quyết định ban hành bản mô tả chương trình đào tạo cho các ngành.